

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày 03/01/2025

V/v Tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Sâm**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Đỗ Duy Hùng**.

- Ông **Phạm Trung Thành**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Kim Liêu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Không có.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 598/2024/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024. Quyết định hoãn phiên tòa số: 184/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị **Phạm Ngọc T**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ 01, ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

* **Bị đơn:** Anh **Lai Phạm Vũ U**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh T.

(Chị T có mặt, anh U vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Ngọc T trình bày:

Chị và anh U do quen biết và được gia đình cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ hỏi, cưới năm 2013, chị và anh U có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh T theo giấy chứng nhận kết hôn số 53, ngày 18/8/2016.

Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc đến tháng 5/2024 thì phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng đã quyết định ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân là do anh U sống gia trưởng mọi việc đều do anh U tự quyết định, tài chính trong gia đình anh U cũng nắm giữ hết, vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau, trong cuộc sống hàng ngày thường xuyên có những lời lẽ không tốt đối với nhau trong thời gian dài, từ đó phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên chị và anh U đã quyết định chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng 5/2024 cho đến nay, chị Tự nhận thấy tình cảm không còn nữa và quyết định khởi kiện ly hôn đối với anh Lai Phạm Vũ U.

Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Lai Phạm Vũ U.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lai Phạm Vũ U trình bày:

Về quá trình tiến đến hôn nhân anh thống nhất với lời trình của chị T. Thời gian chị T tự ý bỏ nhà ra đi là vào tháng 7/2024, giữa vợ chồng anh không xảy ra mâu thuẫn gì, anh cũng không biết nguyên nhân gì chị T bỏ đi, khi chị T đi anh không hề hay biết, anh có đi tìm kiếm kêu Chị T về nhà nhưng Chị T vẫn không về. Trong cuộc sống hôn nhân anh không hề sống gia trưởng, vợ chồng anh không có sống ly thân, vì trong tháng 10 vợ chồng có gặp nhau và sinh hoạt vợ chồng bình thường. Hiện anh vẫn còn tình cảm với chị T nhưng do chị T cố tình lánh mặt không cho anh gặp.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị T xác định ngoài những nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng mà chị đã trình bày trong đơn kiện thì anh U còn thường xuyên đi cờ bạc gây nợ nần và không lo phát triển kinh tế gia đình, chị và anh U đã sống ly thân từ tháng 5/2024 cho nay, nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh U nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh U. Về con chung chị xác định không có, về tài sản chung chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, về nợ chung chị và anh U tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh U đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt không đến dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về việc vắng mặt đương sự: Anh Lai Phạm Vũ U là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng anh vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh trong vụ án này.

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Ngọc T và anh Lai Phạm Vũ U tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh T nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với anh U nên đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn anh U có nơi cư trú tại huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân huyện Cái Bè đã thụ lý vụ án và đã tiến hành các thủ tục pháp lý triệu tập đương sự đến Tòa án để tự khai; tiến hành phiên họp kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Xét thấy, Chị T và anh U kết hôn trên cơ sở quen biết tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53, ngày 18/8/2016 nên là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời trình bày của các bên và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy trong đời sống hôn nhân giữa chị T và anh U đã xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù chị T và anh U trình bày không thống nhất với nhau về việc xảy ra mâu thuẫn và thời gian ly thân nhưng đến thời điểm hiện tại chị T và anh U không còn sống chung, chính anh U cũng trình bày chị T đã bỏ nhà ra đi vào tháng 7/2024 đến nay, anh có nhiều lần tìm kiếm nhưng chị T cố tình lánh mặt và không đồng ý theo anh về nhà, từ đó cho thấy giữa chị T và anh U có xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng anh đã sống ly thân, tuy thời gian chị T và anh U sống ly thân cho đến nay không dài nhưng giữa chị

T và anh U vẫn không khắc phục được những mâu thuẫn của tình trạng hôn nhân. Tòa án cũng đã tổ chức hòa giải để tạo điều kiện cho các bên dàn xếp mâu thuẫn gia đình nhưng không đạt kết quả. Tại phiên tòa chị T xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục sống chung với anh U được nữa và kiên quyết xin ly hôn. Còn anh U tại tờ tự khai và tại buổi hòa giải anh cho rằng còn thương vợ, có nguyện vọng đoàn tụ nhưng anh lại vắng mặt không đến tham dự phiên tòa để đưa ra phương hướng, giải pháp để hai anh chị có thể hàn gắn đoàn tụ, chứng tỏ anh U cũng không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T và xem như anh đã từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ Luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định mâu thuẫn hôn nhân giữa chị T và anh U đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T, anh U xác định là không có.

[4] Về tài sản chung: Chị T, anh U xác định là không có.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh U tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Ngọc T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Ngọc T được ly hôn với anh Lai Phạm Vũ U.

Về con chung: Chị T, anh U xác định là không có.

Về tài sản chung: Chị T, anh U xác định là không có.

Về nợ chung: Chị T, anh U tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Phạm Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016045 ngày 28/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Vậy Chị T đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ niêm ngày nhận được bản án hoặc bản án được yết theo quy định pháp luật để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sâm

